

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý,
bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2201/TTr-SGTVT ngày 19/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/01/2020.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng

các Sở, ban, ngành có liên quan thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ
kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2019/QĐ-UBND
ngày 27 /12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) các cấp, lực lượng Công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (viết tắt là KCHTGTĐB) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị: Sở Giao thông vận tải; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã); lực lượng Công an; lực lượng Quân đội nhân dân; các Sở, ngành chức năng có liên quan; nhà thầu bảo trì công trình đường bộ; nhà đầu tư BOT đường bộ đang khai thác và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quốc lộ ủy thác là tuyến, đoạn tuyến đường bộ qua địa bàn tỉnh do Bộ Giao thông vận tải ủy thác cho Sở Giao thông vận tải quản lý.

2. Phòng Nghiệp vụ của UBND cấp huyện là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn huyện.

3. Nhà thầu bảo trì là nhà thầu bảo trì công trình đường bộ hoặc nhà đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao đường bộ đang khai thác (gọi tắt là nhà đầu tư BOT đường bộ đang khai thác).

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo sự thống nhất, tránh chồng chéo và giảm thủ tục hành chính trong việc xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh.

2. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì xử phạt vi phạm hành chính; các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia, phối hợp với cơ quan chủ trì theo chức năng nhiệm vụ được giao. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phối hợp.

3. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan phải đồng bộ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo công tác xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB được thực hiện thường xuyên, liên tục, đúng thẩm quyền.

4. Các vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp sẽ được bàn bạc thống nhất giải quyết theo yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB.

3. Thống kê, báo cáo kết quả, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ KCHTGTĐB

Mục 1

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB

UBND cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền chủ trì; Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5, lực lượng Công an, nhà thầu bảo trì và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể tổ chức, cá nhân các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB và tập trung một số nội dung chính sau:

a) Các hành vi bị cấm được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ;

b) Phạm vi đất dành cho đường bộ và phạm vi bảo vệ KCHTGTĐB theo quy định sau:

- Đối với quốc lộ: Điều 14, Điều 16, Điều 19, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB; Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Đối với hệ thống đường địa phương: Điều 9 và Điều 10 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

c) Các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại các Điều 12, Điều 13, Điều 15 Nghị định số 46/2016/CP-NĐ ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các quy định khác có liên quan.

2. Vận động các tổ chức, cá nhân vi phạm về bảo vệ KCHTGTĐB tự giác tháo dỡ các công trình vi phạm, khôi phục nguyên trạng để đảm bảo an toàn giao thông.

Điều 7. Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. UBND cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền chủ trì; cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo trì cử lực lượng phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi đối tượng không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Sau khi áp dụng hình thức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cơ quan quyết định cưỡng chế có trách nhiệm bàn giao trực tiếp hiện trạng mặt bằng đã giải tỏa cho UBND cấp xã quản lý theo địa giới hành chính và nhà thầu bảo trì theo nhiệm vụ được giao. Việc bàn giao được thực hiện tại hiện trường và được lập thành biên bản.

Điều 8. Các hành vi vi phạm KCHTGTĐB phối hợp xử lý

1. Nhóm hành vi vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ

a) Sử dụng trái phép đất của đường bộ để: Hợp chợ, kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa; sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo; xây, đặt bụi, bệ, làm mái che; làm lối vào nhà, trụ sở cơ quan nhưng không đặt cống dọc hoặc đặt cống nhỏ không đảm bảo thoát nước gây đọng nước trên rãnh dọc hoặc thực hiện các hoạt động khác gây cản trở giao thông;

b) Đào, cắt lòng đường, lề đường, vỉa hè; vượt nổi đường lên vỉa hè không đúng quy định gây đọng nước trên mặt đường, làm lấp cửa thu nước của rãnh; làm

bậc lên xuống, vượt nổi đường vào nhà chiếm dụng diện tích lề đường không đúng quy định;

c) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, thủy sản trên đường bộ; đặt máy tuốt nông sản trên đường bộ;

d) Trồng cây và hoa màu giải phân cách giữa, trong lề đường, trong phạm vi rãnh dọc làm tắc rãnh và che khuất tầm nhìn của người điều khiển giao thông;

e) Đổ rác thải, phế liệu, vật liệu xây dựng, xả nước ra đường;

g) Sử dụng đường bộ trái phép để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội, dựng rạp để tổ chức đám cưới, đám tang;

h) Các hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ như: Dựng cổng chào, tường rào các loại hoặc các vật che chắn khác trái quy định; treo băng rôn, biểu ngữ trái phép, đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo;

i) Tự ý gắn vào công trình báo hiệu đường bộ các nội dung không liên quan tới ý nghĩa, mục đích của công trình đường bộ;

k) Dựng rạp, lều quán, công trình tạm thời khác trái phép trên phần đất của đường bộ;

l) Tự ý đào, đắp, san lấp mặt bằng trong phạm vi đất của đường bộ;

m) Xây dựng nhà ở, tường rào, công trình kiên cố khác trái phép trên đất của đường bộ;

n) Mở đường nhánh đầu nối trái phép vào đường chính;

o) Các hành vi gây hư hỏng, mất tác dụng của công trình đường bộ (Cầu, cống, tường kê, rãnh thoát nước, nền mặt đường, hệ thống báo hiệu đường bộ) làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

p) Các hành vi gây ùn tắc giao thông;

q) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhóm hành vi vi phạm trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ (viết tắt là HLATĐB)

a) Trồng cây che khuất tầm nhìn của người điều khiển giao thông;

b) Xây dựng công trình kiên cố, công trình tạm thời trái phép trong phạm vi đất HLATĐB;

c) Tự ý đào, đắp, san lấp mặt bằng trong HLATĐB;

d) Sử dụng trái phép HLATĐB làm nơi tập kết hoặc trung chuyển hàng hóa, vật tư, vật liệu xây dựng, rác thải, máy móc, thiết bị, các loại vật dụng khác;

e) Dựng biển quảng cáo trên đất HLATĐB khi chưa được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

g) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**Điều 9. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Chỉ đạo nhà thầu bảo trì và các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ tuần đường, tuần kiểm phát hiện, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, có biện pháp ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm KCHTGTĐB.

2. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 86 Luật Giao thông đường bộ: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ vi phạm đến UBND các cấp để xử lý vi phạm hành chính các hành vi vi phạm KCHTGTĐB.

3. Tổ chức kiểm tra đối với UBND cấp huyện trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải tỏa vi phạm HLTĐB đối với các đường giao thông trên địa bàn tỉnh; tổng hợp việc sử dụng đất dành cho đường bộ, báo cáo UBND tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài HLTĐB trên tất cả các đường giao thông thuộc địa bàn quản lý theo quy định sau đây:

a) Khi lập thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy phép xây dựng trong phạm vi đất có liên quan đến công trình đường bộ phải thực hiện nghiêm các nội dung sau:

- Đối với phạm vi đất dọc theo quốc lộ phải xác định giới hạn phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14, Điều 16, Điều 19, Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP;

- Đối với phạm vi đất dọc theo hệ thống đường địa phương phải xác định giới hạn phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND;

- Đối với phạm vi đất dọc theo dòng chảy phía hạ lưu công trình thoát nước của đường bộ (cầu, cống, rãnh, kênh, mương ...) từ phần tiếp giáp với hạ lưu công trình đến nơi nước thoát đi (sông, ngòi, kênh, mương, rạch, suối ...): Phạm vi này là đất xây dựng hệ thống thoát nước, quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai; không được xây dựng công trình hoặc vật kiến trúc; không làm cản trở dòng chảy từ công trình thoát nước của đường bộ đến vị trí cuối cùng nước thoát đi;

b) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 6 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 4 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5, nhà thầu bảo trì tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ. Trường hợp đối tượng cố tình vi

phạm, không tự giác tháo dỡ, chỉ đạo UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính; ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 75 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP: Lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời:

a) Tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm do Chủ tịch UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý đường bộ III, Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả;

b) Xử lý Chủ tịch UBND cấp xã và những cán bộ, công chức dưới quyền được phân công nhiệm vụ quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB để xảy ra vi phạm mà không xử lý kịp thời hoặc dung túng, bao che cho hành vi vi phạm.

3. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ vi phạm do Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5 chuyển đến theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải.

4. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ và HLATĐB tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài HLATĐB trên tất cả các đường giao thông (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn buôn) thuộc địa bàn quản lý theo quy định sau đây:

a) Khi tham mưu UBND cấp huyện thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy phép xây dựng trong phạm vi đất có liên quan đến công trình đường bộ phải thực hiện đúng theo nội dung tại điểm a Khoản 1 Điều 10 Quy chế này;

b) Tổng hợp đất đai đã cấp qua các thời kỳ trong HLATĐB để kiến nghị UBND cấp huyện có biện pháp giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể;

c) Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của công trình đường bộ;

d) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5, nhà thầu bảo trì trong quá trình điều tra thống kê, lập biên bản các trường hợp vi phạm đất của đường bộ, HLATĐB; cung cấp hồ sơ theo dõi đất dọc hai bên đường đối với các tổ chức, cá nhân; tổng hợp các biên bản vi phạm, báo cáo UBND cấp huyện để thực

hiện việc cưỡng chế giải tỏa, thu hồi, điều chỉnh việc cấp đất trước đây chưa phù hợp theo quy định của pháp luật cho phù hợp.

e) Chủ động kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, tái lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ, HLATĐB;

g) Chủ trì, phối hợp nhà thầu bảo trì tổ chức ký cam kết không vi phạm phần đất của đường bộ, HLATĐB đến từng tổ chức, hộ gia đình sống hai bên đường;

h) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 75 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP: Lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời:

a) Tổ chức thực hiện cưỡng chế tất cả các công trình xây dựng vi phạm theo quyết định cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải;

b) Xử lý hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý cán bộ, công chức được phân công nhiệm vụ quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB để xảy ra vi phạm mà không xử lý kịp thời hoặc dung túng, bao che cho hành vi vi phạm.

3. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ vi phạm do Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5 chuyển đến theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 57/2013/NĐ-CP, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã thì chuyển đến UBND cấp huyện để xử lý.

4. Huy động lực lượng tham gia thực hiện công tác cưỡng chế giải tỏa các công trình vi phạm trong đất dành cho đường bộ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ và HLATĐB tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Công an các cấp thực hiện kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ KCHTGTĐB theo quy định tại điểm b Khoản 2, điểm e Khoản 3, điểm h Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP; Thông tư số 39/2011/TT-BCA ngày 21/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định lực lượng Công an kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ KCHTGTĐB.

2. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ có liên quan, Công an huyện, thị xã, thành phố tham gia phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, giải tỏa; xử lý nghiêm các đối tượng gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ trong việc tổ chức thực hiện quyết định, kế hoạch cưỡng chế, giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông: Trong quá trình điều tra giải quyết các vụ tai nạn giao thông nếu có hư hỏng KCHTGTĐB thì chỉ đạo đơn vị thụ lý, điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông kịp thời báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về tình trạng hư hỏng của KCHTGTĐB do tai nạn giao thông gây ra, để có biện pháp yêu cầu tổ chức, cá nhân có lỗi phải khắc phục, bồi thường thiệt hại công trình đường bộ.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thẩm định các chủ trương đầu tư xây dựng công trình và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ KCHTGTĐB; chịu trách nhiệm giám sát thực hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

2. Sở Xây dựng

Chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài HLATĐB; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh trong công tác lập và thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo, hướng dẫn phòng, ban, đơn vị trực thuộc; hướng dẫn UBND cấp huyện quản lý và sử dụng đất có liên quan đến công trình giao thông theo đúng quy định tại Điều 155, Điều 157, Điều 163 Luật Đất đai; đồng thời đảm bảo giới hạn quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ và phạm vi bảo vệ KCHTGTĐB theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

4. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ định mức phân bổ chi sự nghiệp giao thông, căn cứ kế hoạch thu, chi từ quỹ bảo trì đường bộ tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên từ ngân sách tỉnh để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ KCHTGTĐB, giải tỏa HLATĐB theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ KCHTGTĐB và giải tỏa HLATĐB của địa phương đảm bảo sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ nhằm bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc canh tác nông nghiệp đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB.

6. Sở Công Thương

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy hoạch điện lực, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thuộc ngành Công Thương dọc theo các tuyến đường phải tuân thủ các quy

định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB; phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định điểm đầu nối từ cửa hàng xăng dầu vào đường bộ đảm bảo khoảng cách theo quy định về đầu nối đường nhánh vào đường bộ.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Quân đội nhân dân tại địa phương tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ theo quy định tại Khoản 8 Điều 26 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo Báo Đắk Lắk; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB; đưa tin phản ánh, phê phán các hành vi sử dụng trái phép vỉa hè, lòng đường, xâm hại công trình giao thông và sử dụng trái phép HLAĐB gây mất an toàn giao thông, hư hỏng công trình đường bộ;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, xây dựng công trình, lắp đặt biển quảng cáo thuộc Sở quản lý đúng theo quy định tại Khoản 10 Điều 26 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND.

10. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tuyên truyền, phổ biến, vận động các tổ chức, cá nhân theo nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ KCHTGTĐB theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu bảo trì

1. Thực hiện nghiêm túc công tác tuần đường theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra để bảo vệ KCHTGTĐB; đảm bảo các hành vi vi phạm KCHTGTĐB phải được phát hiện ngay từ ban đầu. Khi phát hiện hành vi vi phạm, phải tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, đồng thời phối hợp với UBND các cấp và lực lượng Thanh tra giao thông thực hiện các bước xử lý theo quy định.

2. Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và lực lượng chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế, giải tỏa vi phạm; bố trí phương tiện, lực lượng tham gia quá trình cưỡng chế khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Phối hợp với UBND cấp xã và các lực lượng có liên quan trong việc bảo vệ, giữ gìn các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của công trình đường bộ.

4. Thực hiện đầy đủ, đúng các quy định trong hợp đồng đã ký và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc xử lý vi phạm hành chính

Việc xử lý vi phạm hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2016/CP-NĐ và các quy định sau đây:

1. Đối với quốc lộ do Cục Quản lý đường bộ III quản lý

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vi phạm hành chính trên địa bàn do Chi cục Quản lý đường bộ III.5 lập, chuyển đến; tiến hành xử lý theo thẩm quyền và trả lời bằng văn bản về kết quả xử lý.

2. Đối với quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**a) Xử lý vi phạm trong đất của đường bộ**

Thanh tra Sở Giao thông vận tải lập biên bản vi phạm hành chính; Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nhà thầu bảo trì chủ trì, UBND cấp xã phối hợp theo dõi việc chấp hành xử phạt.

b) Xử lý vi phạm trong đất HLATĐB hoặc vi phạm vừa thuộc đất của đường bộ vừa thuộc đất HLATĐB

UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu vượt thẩm quyền xử phạt. Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chủ trì, nhà thầu bảo trì phối hợp theo dõi việc chấp hành xử phạt.

3. Đối với đường huyện, đường đô thị

UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu vượt thẩm quyền xử phạt. Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chủ trì, chỉ đạo theo dõi việc chấp hành xử phạt.

4. Đối với đường xã, đường thôn buôn

UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu vượt thẩm quyền xử phạt. Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chủ trì, chỉ đạo theo dõi việc chấp hành xử phạt.

Điều 16. Trình hoặc chuyển, tiếp nhận, xử lý vụ việc vi phạm hành chính đến cấp có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Trình hoặc chuyển, tiếp nhận, xử lý vụ việc vi phạm hành chính đến cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chi cục Quản lý đường bộ III.5, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, UBND cấp xã (trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt) trình hoặc chuyển vụ việc vi phạm KCHTGTĐB đến UBND các cấp có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

2. Việc trình hoặc chuyển, tiếp nhận, xử lý vụ việc vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 18 Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính; công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của thanh tra ngành Giao thông vận tải và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 32/2016/TT-BGTVT ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT.

Mục 3

TRÌNH TỰ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Đối với đường quốc lộ ủy thác và đường tỉnh

1. Đối với vi phạm thuộc phạm vi đất của đường bộ

a) Phát hiện vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính

- Nhà thầu bảo trì chỉ đạo nhân viên tuần đường thực hiện công tác tuần đường theo quy định, phát hiện kịp thời hành vi vi phạm; tiến hành kiểm tra, phối hợp công chức được UBND cấp xã giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB (sau đây gọi tắt là công chức chuyên môn cấp xã) lập biên bản làm việc xác nhận hành vi vi phạm với đối tượng vi phạm, ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm; giải thích, yêu cầu đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật. Đồng thời báo cáo ngay cho Sở Giao thông vận tải và lãnh đạo nhà thầu bảo trì biết;

- Sau 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản làm việc, nếu đối tượng vi phạm không chấp hành, lãnh đạo nhà thầu bảo trì thông báo ngay bằng văn bản đến Sở Giao thông vận tải biết. Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, nhà thầu bảo trì khẩn trương lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định; đồng thời phải có biện pháp tạm thời, nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ;

b) Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; yêu cầu đối tượng vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả; đồng thời, thông báo ngay bằng văn bản cho UBND cấp huyện, cấp xã nơi địa bàn xảy ra vi phạm biết để theo dõi, phối hợp xử lý vi phạm;

c) Theo dõi, đôn đốc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Nhà thầu bảo trì có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc đối tượng vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phối hợp với UBND cấp xã lập biên

bản kiểm tra hiện trường, xác nhận kết quả thực hiện sau khi đối tượng vi phạm hoàn thành việc khắc phục hậu quả;

- Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; không tự giác tháo dỡ, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, hoặc đã chấp hành hình thức xử phạt hành chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự giác thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, nhà thầu bảo trì báo cáo ngay cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải để chủ trì, phối hợp với lực lượng Tuần kiểm, nhà thầu bảo trì, UBND cấp xã lập biên bản phúc tra; đồng thời hoàn thiện hồ sơ vi phạm đề nghị UBND cấp huyện nơi xảy ra vi phạm ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định. Sau khi cưỡng chế, nhà thầu bảo trì phối hợp UBND cấp xã theo dõi, ngăn chặn việc tái lần chiếm;

d) Trường hợp UBND cấp huyện không tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra thì nhà thầu bảo trì có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc không phối hợp xử lý vi phạm.

2. Đối với vi phạm thuộc HLATĐB hoặc vi phạm vừa thuộc HLATĐB vừa thuộc đất của đường bộ

a) Phát hiện vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính

- Nhà thầu bảo trì chỉ đạo nhân viên tuần đường thực hiện công tác tuần đường theo quy định, phát hiện kịp thời hành vi vi phạm; tiến hành kiểm tra, phối hợp công chức chuyên môn cấp xã lập biên bản làm việc xác nhận hành vi vi phạm với đối tượng vi phạm, ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm; giải thích, yêu cầu đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật. Đồng thời báo cáo ngay cho Sở Giao thông vận tải, UBND cấp xã và lãnh đạo nhà thầu bảo trì biết;

- Sau 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản làm việc, nếu đối tượng vi phạm không chấp hành, lãnh đạo nhà thầu bảo trì báo cáo ngay bằng văn bản đến UBND cấp xã và Sở Giao thông vận tải biết. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp Thanh tra Sở Giao thông vận tải, nhà thầu bảo trì khẩn trương lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định; đồng thời phải có biện pháp tạm thời, nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ;

b) Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; yêu cầu đối tượng vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả; đồng thời báo cáo ngay bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện biết, để theo dõi, phối hợp xử lý vi phạm;

- Trường hợp hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã thì UBND cấp xã trình vụ việc vi phạm đến UBND cấp huyện để xử phạt theo quy định. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm của UBND cấp xã, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan xác minh

(nếu xét thấy cần thiết), ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định. Trường hợp vi phạm có tình tiết phức tạp, thì được kéo dài thời gian xử lý, nhưng không quá thời hạn theo quy định tại Luật Xử phạt vi phạm hành chính hiện hành;

c) Theo dõi, đơn đốc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm chủ trì theo dõi, đơn đốc việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phối hợp với nhà thầu bảo trì kiểm tra hiện trường, lập biên bản xác nhận kết quả thực hiện sau khi đối tượng vi phạm hoàn thành việc khắc phục hậu quả;

- Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và không tự giác tháo dỡ, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, hoặc đã chấp hành hình thức xử phạt hành chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không tự giác thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chủ trì, phối hợp nhà thầu bảo trì lập biên bản phúc tra; đồng thời hoàn thiện hồ sơ vi phạm đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế theo quy định. Sau khi cưỡng chế, cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và nhà thầu bảo trì theo dõi, ngăn chặn việc tái lần chiếm;

d) Nhà thầu bảo trì có trách nhiệm theo dõi công tác xử lý vi phạm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả thì nhà thầu bảo trì có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc không xử lý, cưỡng chế vi phạm.

Điều 18. Đối với đường huyện, đường đô thị

1. Phát hiện vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính

a) UBND cấp xã chỉ đạo công chức chuyên môn cấp xã thực hiện công tác kiểm tra, phát hiện kịp thời vi phạm; tiến hành kiểm tra, lập biên bản làm việc xác nhận hành vi vi phạm với đối tượng vi phạm, ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm; giải thích, yêu cầu đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật. Đồng thời báo cáo ngay cho UBND cấp xã biết;

b) Sau 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản làm việc, nếu đối tượng vi phạm vẫn không chấp hành, UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; yêu cầu đối tượng vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả; đồng thời báo cáo UBND cấp huyện theo quy định. Trường hợp hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã thì UBND cấp xã trình vụ việc vi phạm đến UBND cấp huyện để xử phạt theo quy định.

3. Theo dõi, đơn đốc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm tổ chức theo dõi, đơn đốc việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và không tự giác tháo dỡ, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, hoặc đã chấp hành hình thức xử phạt hành chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không tự giác thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính lập biên bản phúc tra, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định và theo dõi, ngăn chặn việc tái lần chiếm.

4. Phòng Nghiệp vụ của UBND cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đơn đốc công tác xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB của UBND cấp xã đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn buôn trên địa bàn quản lý. Trường hợp UBND cấp xã không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả thì Phòng Nghiệp vụ báo cáo UBND cấp huyện xem xét, giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc không xử lý, cưỡng chế vi phạm.

Điều 19. Đối với đường xã, đường thôn buôn

1. Phát hiện vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính

a) UBND cấp xã chỉ đạo công chức chuyên môn cấp xã thực hiện công tác kiểm tra, phát hiện kịp thời vi phạm; tiến hành kiểm tra, lập biên bản làm việc xác nhận hành vi vi phạm với đối tượng vi phạm, ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm; giải thích, yêu cầu đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật. Đồng thời thông báo bằng điện thoại đến Trưởng thôn, khối phố biết để phối hợp và báo cáo ngay cho UBND cấp xã;

b) Sau 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản làm việc, nếu đối tượng vi phạm vẫn không chấp hành, UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thực hiện theo trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

3. Theo dõi, đơn đốc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm tổ chức theo dõi, đơn đốc việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và không tự giác tháo dỡ, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, hoặc đã chấp hành hình thức xử phạt hành chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không tự giác thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, cơ quan ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chủ trì lập biên bản phúc tra, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định và theo dõi, ngăn chặn việc tái lần chiếm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Phương tiện và kinh phí thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị mình trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện phối hợp, cơ quan, đơn vị nào cử người tham gia thì cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm thanh toán chế độ cho người tham gia theo quy định hiện hành của Nhà nước. Kinh phí phục vụ công tác cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Đối với quốc lộ, đường tỉnh: Sở Giao thông vận tải, Chi cục Quản lý đường bộ III.5, nhà thầu bảo trì bố trí nhân lực, máy móc chuyên dùng để phối hợp thực hiện trên cơ sở kế hoạch cưỡng chế, giải tỏa. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của từng tuyến đường, tính chất, đặc điểm, địa bàn quản lý các đơn vị lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác này.

Điều 21. Công tác kiểm tra, báo cáo

1. Công tác kiểm tra

a) Định kỳ hàng năm, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra UBND cấp huyện về trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý vi phạm về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB thuộc phạm vi quản lý;

b) Định kỳ sáu tháng và một năm, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Nghiệp vụ của UBND cấp huyện chủ trì và phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra UBND cấp xã về trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý vi phạm về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thanh tra trách nhiệm người đứng đầu UBND cấp xã trong việc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB.

2. Công tác báo cáo

Các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp trong Quy chế này có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện công tác xử lý vi phạm về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB trên các đường giao thông thuộc địa bàn quản lý theo quy định sau:

a) UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng cho UBND cấp huyện. Gửi báo cáo trước ngày 05 của tháng liền kề;

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ năm hoặc đột xuất cho Sở Giao thông vận tải, Cục Quản lý đường bộ III. Gửi báo cáo trước ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo và đột xuất kết quả thực hiện theo quy định;

c) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Chi cục Quản lý đường bộ III.5 tổng hợp và báo cáo định kỳ năm hoặc đột xuất cho UBND tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc báo cáo thực hiện trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo (đối với báo cáo năm) và đột xuất kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xử lý dứt điểm đối với các công trình, nhà ở, vật kiến trúc xây dựng vi phạm đất của đường bộ, đất HLATĐB mà trước đây đã bị cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm, yêu cầu tháo dỡ hoặc đã được bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa thực hiện tháo dỡ hoặc tái lấn chiếm.

2. Giải quyết các công trình, nhà ở tồn tại trong đất HLATĐB qua các thời kỳ

Cơ quan quản lý đường bộ phối hợp UBND các cấp lập biên bản kiểm kê và giải quyết theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư xây dựng ngân sách tỉnh năm 2020 như sau:

1. Tổng nguồn vốn

Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2020: 3.950,782 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương cân đối vốn xây dựng cơ bản trong nước: 975,782 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.700 tỷ đồng (trong đó phân chia: Ngân sách tỉnh giao 1.794,400 tỷ đồng, cấp huyện giao 905,6 tỷ đồng).

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 130 tỷ đồng;

- Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên: 100 tỷ đồng;

- Tiền bán tài sản để đầu tư xây dựng: 45 tỷ đồng.

2. Phân bổ: Tổng vốn xây dựng cơ bản nguồn ngân sách địa phương là 3.950,782 tỷ đồng, cụ thể:

2.1. Nguồn ngân sách Trung ương cân đối vốn xây dựng cơ bản trong nước: 975,782 tỷ đồng. Phân bổ:

- Đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ: bố trí cho 04 dự án, số vốn 8,793 tỷ đồng.

- Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện theo Nghị quyết số 172/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn trong trường học và trường dạy nghề công lập, giai đoạn 2016-2020: 66 tỷ đồng.

- Đối ứng phần ngân sách địa phương cho các dự án ODA: 90,084 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành chuyển tiếp: 780,905 tỷ đồng;

- Bố trí cho công tác lập quy hoạch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2030 định hướng đến 2050: 30 tỷ đồng.

2.2. Tiền thu sử dụng đất: 2.700 tỷ đồng, trong đó:

a. Cấp tỉnh giao: 1.794,4 tỷ đồng. Bố trí cho các nội dung sau:

- Bố trí 270 tỷ đồng cho kinh phí đo đạc, đăng ký quản lý đất đai (10%);

- Bố trí 270 tỷ đồng cho Quỹ phát triển đất theo quy định (10%);

- Bố trí 346,049 tỷ đồng đối ứng cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Bố trí vốn cho các dự án mở mới: 475,486 tỷ đồng;

- Phân bổ sau (bổ sung cho các dự án hoặc bố trí chuẩn bị đầu tư): 432,865 tỷ đồng.

b. Cấp huyện giao: 905,6 tỷ đồng (*sử dụng để bố trí vốn cho các dự án cấp huyện quản lý*). Trong đó:

- Thành phố Buôn Ma Thuột: 700 tỷ đồng.

- Các huyện, thị xã: 205,6 tỷ đồng.

2.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 130 tỷ đồng.

- Bố trí đối ứng cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 23,531 tỷ đồng

- Bố trí đối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 28,718 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 77,751 tỷ đồng.

2.4. Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để dành cho đầu tư: 100 tỷ đồng

- Bố trí vốn cho 16 dự án chuyển tiếp: 66,301 tỷ đồng;

- Bố trí vốn cho 08 dự án mở mới: 33,699 tỷ đồng.

2.5. Nguồn thu từ bán tài sản: 45 tỷ đồng

- Bố trí vốn cho Dự án Trụ sở Sở Xây dựng: 39,173 tỷ đồng;

- Phân bổ sau (bổ sung cho các dự án hoặc bố trí chuẩn bị đầu tư): 5,827 tỷ đồng.

(Chi tiết bố trí vốn tại các biểu: 1, 2, 3a, 3b, 3c, 3d, 3e, 4, 5, 6, 7 kèm theo)

Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn bổ sung trong năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất phân bổ để kịp thời quyết định giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá IX, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Nguồn vốn NSDP 2020			Ghi chú
		Trung ương giao	Tỉnh giao	Tăng, giảm so với Trung ương	
	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5)	1.905.782	3.950.782	2.045.000	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	975.782	975.782		
2	Thu tiền sử dụng đất	800.000	2.700.000	1.900.000	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư	130.000	130.000		
4	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để dành cho đầu tư		100.000	100.000	
5	Thu từ bán tài sản để đầu tư		45.000	45.000	

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Phương án phân bổ			Ghi chú
		Tổng nguồn vốn	Trong đó		
			Cấp tỉnh thực hiện	Cấp huyện thực hiện	
	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5)	3.950.782	5.580.884	1.369.898	
1	Trung ương cân đối ĐTPT trong nước	975.782	909.782	66.000	
1.1	Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ	8.793	8.793	—	Chi tiết tại biểu 3a kèm theo
1.2	Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp	780.905	780.905	—	Chi tiết tại biểu 3b kèm theo
1.3	Đối ứng các dự án ODA	90.084	90.084	—	Chi tiết tại biểu 3c kèm theo
1.4	Bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện về đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo	66.000	—	66.000	Chi tiết tại biểu 3d kèm theo
1.5	Bố trí cho công tác quy hoạch	30.000	30.000		Chi tiết tại biểu 3e kèm theo
2	Thu tiền sử dụng đất	2.700.000	1.448.351	1.251.649	
	a. Ngân sách tỉnh	1.794.400	1.448.351	346.049	
	+ Đo đạc, đăng ký quản lý đất đai	270.000	270.000	—	
	+ Bổ sung Quỹ phát triển đất	270.000	270.000	—	
	+ Đối ứng để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn	346.049	—	346.049	

	mới cho cấp huyện				
	+ Bố trí đầu tư cho các dự án mở mới năm 2020	475.486	475.486	–	<i>Chi tiết tại biểu 4 kèm theo</i>
	+ Phân bổ sau (bổ sung cho các dự án hoặc bố trí chuẩn bị đầu tư)	432.865	432.865		
	b.Ngân sách huyện, thành phố, trong đó	905.600	–	905.600	
	+ Thực hiện các dự án đầu tư	905.600		905.600	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư	130.000	77.751	52.249	<i>Chi tiết tại biểu 5 kèm theo</i>
	+ Đối ứng để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới cho cấp huyện	23.531		23.531	
	+ Đối ứng để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững cho cấp huyện	28.718		28.718	
	+ Bố trí đầu tư cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	77.751	77.751	–	
4	Tiết kiệm chi thường xuyên theo NQ 38/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	100.000	100	–	<i>Chi tiết tại biểu 6 kèm theo</i>
	+ Bố trí cho các sự án mở mới cho giáo dục	–			
	+ Bố trí đầu tư cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp	66.301	66.301	–	
	+ Bố trí đầu tư cho các dự án mới năm 2020	33.699	33.669	–	
5	Thu từ bán tài sản	45.000	45.000		<i>Chi tiết tại biểu 7 kèm theo</i>
	+ Bố trí đầu tư cho Dự án Trụ sở Sở Xây dựng	39.173	39.173	–	
	+ Phân bổ sau (bổ sung cho các dự án hoặc bố trí chuẩn bị đầu tư)	5.827	5.827	–	

**DANH MỤC BỐ TRÍ VỐN CÁC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ - NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH trung hạn 2018 -2020		Kế hoạch năm 2019		Lũy kế bố trí vốn trong KH trung hạn đến hết kế hoạch năm 2019		Nhu cầu kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020			Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số: NST	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: Tổng số: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
	TỔNG CỘNG					102,337	102,337	79,769	79,229	42,131	42,131	66,246	66,246	8,793	8,793	0	8,793	8,793		
	Các dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng chưa phê duyệt quyết toán					6,931	6,931	661	661	131	131	131	131	0	0	0	0	0	0	
1	Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin KH&CN tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020	TP. BMT	Trung tâm thông tin và Thống kê KHCN tỉnh Đắk Lắk	2016-2017	823/QĐ-UBND,28/3/2016	6,931	6,931	661	661	131	131	131	131							QT

	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019</i>					95,406	95,406	79,108	78,568	42,000	42,000	66,115	66,115	8,793	8,793	0	8,793	8,793	0	
1	Trại thực nghiệm Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk (Giai đoạn 1)	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và CN tỉnh	2017-2019	3237/QĐ-UBND ngày 31/10 /2016	44,817	44,817	33,304	33,304	20,000	20,000	32,635	32,635	669	669		669	669		CT
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	VP UBND tỉnh	2015-2017	2584/QĐ-UBND, 31/10/2014	5,854	5,854	4,824	4,284	0				624	624		624	624		HT
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2015-2020	Tại các cơ quan Đảng của tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	2,018	2996/QĐ-UBND 27/10 /2017	33,180	33,180	33,180	33,180	17,000	17,000	28,440	28,440	4,740	4,740		4,740	4,740		CT
4	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ huyện Cư M'gar	Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và CN tỉnh	2,019	2922/QĐ-UBND ngày 31/10/ 2018	11,555	11,555	7,800	7,800	5,000	5,000	5,040	5,040	2,760	2,760		2,760	2,760		CT

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN - NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2018-2020 sau điều chỉnh bổ sung		Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019		Nhu cầu kế hoạch năm 2020 so với KH trung hạn		Kế hoạch năm 2020		QT, HT, CT	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Ngân sách khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NST		
	Tổng cộng				6,858,097	3,741,750	453,066	3,032,405	2,149,660	1,033,532	992,840	1,787,161	1,461,963	1,179,430	785,521	836,866	780,905		
I	GIAO THÔNG				2,901,293	1,757,849	309,497	1,243,210	966,891	480,473	491,973	863,898	640,859	362,143	329,690	329,690	329,690		
a	Các dự án bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2018 đã phê duyệt quyết toán				183,102	59,681	2,810	23,686	14,934	6,754	6,754	14,920	14,920	0	0	-	-		
1	Đường giao thông liên xã Ya Tờ Mốt - Ea Rók	Ea Súp	UBND H. Ea Súp	448/QĐ-UBND 18/2/2011; 3361/QĐ-UBND, 12/12/2018	35,641	2,754		1,574	1,574	1,574	1,574	1,574	1,574	0	0			QT	
2	Đường nối QL 26 với đường liên tỉnh Đắk Lắk- Phú Yên (GD2)	Ea Kar	BQLD A ĐTXD công trình GT và NNPT NT tỉnh	1076/QĐ-UBND 28/4/2011; 462/QĐ-UBND, 27/2/2012; 388/QĐ-UBND, 25/02/2019	82,876	788		788	788	788	788	788	788	0	0			QT	

3	Đường giao thông trực trung tâm thị trấn huyện Buôn Đôn	B. Đôn	UBND H. Buôn Đôn	2333/QĐ-UBND, 14/12/2004; 3210/QĐ-UBND, 27/11/2007; 715/QĐ-UBND, 01/4/2019	19,011	19,011		452	452	452	452	452	452	0	0			QT	
4	Đường giao thông nông thôn xã Ea Bông (gói 1)	Kr. Ana	UBND H. Kr. Ana	219//QĐ-UBND, 6/7/2010; 1314/QĐ-UBND, 12/5/2016	14,278	11,422		5,377	2,214			2,200	2,200	0	0			QT	
5	Cầu km8+830 - đường Ea Pìl đi Cư Prao	M'Drăk	UBND H. M'Drăk	1454/QĐ-UBND, 13/6/2011	21,300	18,521		5,500	2,721	2,221	2,221	2,721	2,721	0	0			QT	
6	Đường giao thông đi trung tâm xã Ea Uy, huyện Krông Pắc. Hạng mục: Cầu nước đục (lý trình Km8+995)	Kr. Pắc	BQLD A ĐTXD huyện Krông Pắc	3905/QĐ-UBND, 29/12/2016; 2291/QĐ-UBND, 11/8/2017	9,995	7,185	2,810	9,995	7,185	1,719	1,719	7,185	7,185	0	0			QT	
b	Các dự án bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2018				922,089	192,118	47,004	105,707	94,773	45,992	45,992	90,832	90,832	7,141	3,941	3,941	3,941		
1	Cầu Buôn Du Mah, xã Đăk Phoi	Lắk	UBND H. Lắk	587//QĐ-UBND, 16/10/2009	10,078	9,162		3,878	2,962	500	500	2,900	2,900	62	62	62	62	HT	
2	Hệ thống kênh dẫn, đường giao thông dọc bờ kênh buôn Tiêu, xã Ea	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	2896a/QĐ-UBND 05/10/2012	8,144	7,405		1,894	1,155	900	900	1,100	1,100	55	55	55	55	HT	